

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2022

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

2. Ông Đinh Thanh Hải.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thân Văn K, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Tân T, xã T.L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Đào Thị Hiền, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã T.L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

Hiện đang làm việc tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Thân Văn Khánh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Thị H kết hôn vào tháng 11 năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo

phong tục địa phương. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống với bố mẹ anh tại xóm T, xã T.L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Sau khi chuyển ra ở riêng, do kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng có bàn bạc, thống nhất để chị H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan để tăng thêm thu nhập. Năm 2009 chị H có đi lao động tại Đài Loan. Lúc mới sang nước ngoài làm việc, vợ chồng vẫn giữ liên lạc và sự quan tâm hỏi han nhau, nhưng dần dần chị H càng ít liên lạc về. Mấy năm gần đây thì anh không có cách nào để liên lạc cho chị H được nữa, chị H cũng không hề liên lạc gì với anh nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Cuộc hôn nhân của anh và chị H đã không hạnh phúc, hai bên đã chấm dứt hoàn toàn liên lạc và không còn yêu thương nhau. Anh thấy tình cảm giữa vợ chồng đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hiền để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Thân Thị Thu H1, sinh năm 2003. Hiện cháu đã lấy chồng và chuyển ra ở riêng. Nên anh không đề nghị gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 24/12/2021 và ngày 06/01/2022 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với anh Đào Duy H2, địa chỉ: Tổ 7 cũ (Nay là tổ 4), thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là em trai ruột của chị Đào Thị H, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án về việc anh Thân Văn K có yêu cầu xin ly hôn với chị Đào Thị H, anh đã thông tin cho chị H được biết thì chị H có gọi điện trực tiếp về trao đổi lại như sau: *“chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, việc anh K xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Về con chung như anh K đã khai là đúng, do cháu H đã trưởng thành nên chị không có ý kiến về việc dưỡng nuôi cháu; Về tài sản chung, nợ chung: chị không đề nghị giải quyết. Hiện chị đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo Công văn số 29437/QLXNC-P5 ngày 02/12/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: Chị Đào Thị H, sinh ngày 19/10/1981 có thông tin xuất cảnh ngày 10/05/2009 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B2771754, hiện chưa có thông

tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Thân Văn K chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị H là anh Đào Duy H2, có đủ căn cứ xác định chị H vẫn liên hệ với anh H2 và gia đình nhưng anh H2 cũng không cung cấp được địa chỉ của chị H và chị H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng anh H2 cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Thân Văn K và chị Đào Thị H là trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh K: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vui vẻ, hòa thuận. Đến đầu năm 2009, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng đã thống nhất để chị H sang Đài Loan để lao động xuất khẩu tăng thêm thu nhập, nhưng chị H đã đi từ đó cho đến nay mà không về Việt Nam. Mấy năm gần đây, chị H đã không liên lạc về gia đình, cũng không quan tâm gì đến anh và con. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Phía bị đơn chị H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (em trai ruột của chị H), chị cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ trước, không thể hòa giải nên chị mới bỏ về nhà ngoại ở. Sau đó, chị đã đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm và yêu thương nhau, anh Khánh xin ly hôn chị nhất trí.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định giữa anh K và chị H đã không còn tình cảm vợ chồng và sự quan tâm thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không được nên anh chị đều đã nhất trí xin ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, cho anh K được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh K và chị H khai vợ chồng có 01 con chung, là Thân Thị Thu H1, sinh năm 2003, hiện cháu H đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đã đi xây dựng gia đình, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị H không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, cho anh K được ly hôn với chị H; Con chung Thân Thị Thu H1 đã trưởng thành, không phải giải quyết; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Thân Văn K. Anh Thân Văn K được ly hôn với chị Đào Thị H.

2. Về con chung: Con chung là Thân Thị Thu H1, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) nên không giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Thân Văn K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000049 ngày 08/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã T.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy